

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2025

Số 306/ QĐ-BGH-ĐT

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 476/QĐ-BGH-ĐT ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

- Căn cứ Quyết định số 405/TTg ngày 15/6/1996 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội; Quyết định số 750/TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội thành Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội do Đại hội cổ đông lần thứ XVIII thông qua ngày 07/8/2016;
- Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của thủ tướng chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Căn cứ quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2025 về việc ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học;
- Căn cứ Quyết định số 2392/QĐ-BGH ngày 30/6/2023 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-BGH-ĐT ngày 13/12/2021 về việc điều chỉnh chương trình đào tạo hệ đại học chính quy;
- Xét đề nghị của Trường Phòng Quản lý Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo theo Quyết định số 476/QĐ-BGH-ĐT ngày 13/12/2021 đối với 27 ngành đào tạo hệ đại học chính quy, gồm các chương trình đào tạo có tên sau đây:

1. Cử nhân Kinh tế - Mã ngành: 7310101
2. Cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Mã ngành: 7810103
3. Cử nhân Kế toán - Mã ngành: 7340301
4. Cử nhân Luật kinh tế - Mã ngành: 7380107
5. Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng - Mã ngành: 7340201
6. Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính - Mã ngành: 7340201
7. Cử nhân Quản lý nhà nước - Mã ngành: 7310205
8. Cử nhân Quản trị kinh doanh - Mã ngành: 7340101
9. Cử nhân Kinh doanh quốc tế - Mã ngành: 7340120
10. Kỹ sư Công nghệ thông tin - Mã ngành: 7480201
11. Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử - Mã ngành: 7510203
12. Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Mã ngành: 7510301
13. Cử nhân Thiết kế đồ họa - Mã ngành: 7210403
14. Cử nhân Thiết kế nội thất - Mã ngành: 7580108
15. Kiến trúc sư - Mã ngành: 7580101
16. Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật môi trường - Mã ngành: 7510406
17. Kỹ sư Quản lý tài nguyên và môi trường - Mã ngành: 7850101
18. Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô - Mã ngành: 7510205
19. Cử nhân Quản lý đô thị và công trình - Mã ngành: 7580106
20. Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng - Mã ngành: 7580201
21. Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Mã ngành: 7220201
22. Cử nhân Ngôn ngữ Nga - Mã ngành: 7220202
23. Cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc - Mã ngành: 7220204
24. Dược sĩ - Mã ngành: 7720201
25. Cử nhân Điều dưỡng - Mã ngành: 7720301
26. Bác sĩ Răng Hàm Mặt - Mã ngành: 7720501
27. Bác sĩ Y khoa - Mã ngành: 7720101

- Số lượng tín chỉ cần tích lũy, cơ cấu kiến thức, thời gian đào tạo, vị trí việc làm người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, cấu trúc chương trình dạy học và các ma trận kết nối được quy định như trong văn bản kèm theo Quyết định này;

- Thời gian thực hiện: Từ khóa 30 (năm học 2025 - 2026);

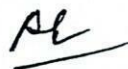
Điều 2. Giao Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo hướng dẫn các khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, sửa đổi, bổ sung đề cương chi tiết các học phần có tên trong các chương trình đào tạo, bản mô tả các chương trình đào tạo và kiểm tra việc thực hiện các chương trình đào tạo như đã ban hành kèm theo Quyết định này;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các Ông, Bà Chánh văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng, Chủ nhiệm các Khoa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, QLĐT.

KT.HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC




GS.TS. Nguyễn Công Nghiệp

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KIẾN TRÚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3061 /QĐ-BGH-ĐT ngày 09/6/2025 của Hiệu trưởng)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kiến trúc

Tên tiếng Anh: Architecture

2. Mã ngành: 7580101

3. Trình độ đào tạo: Đại học.

4. Thời gian đào tạo: 4,5 năm

5. Tên bằng tốt nghiệp: Kiến trúc sư (Architect)

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ: Khoa Kiến trúc

7. Hình thức đào tạo: Chính quy

8. Số lượng tín chỉ cần tích lũy: 155 tín chỉ (không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

9. Thông tin vị trí việc làm:

Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội làm việc tại: Các doanh nghiệp kiến trúc, xây dựng, văn phòng tư vấn thiết kế, thi công, văn phòng kiến trúc sư, doanh nghiệp trang trí nội ngoại thất; Các ban quản lý dự án quản lý đô thị; Các cơ quan đào tạo nghiên cứu về kiến trúc.

Sinh viên tốt nghiệp có thể chuyển tiếp học thạc sĩ kiến trúc tại trường ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội và các cơ sở đào tạo khác trong, ngoài nước.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.

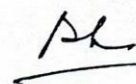
2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo kiến trúc sư theo định hướng thực hành, có kiến thức về khoa học công nghệ, khoa học xã hội, nhân văn và pháp luật có liên quan; Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết toàn diện của ngành Kiến trúc, kỹ năng thực hành nghề Kiến trúc; kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp thông tin liên quan lĩnh vực kiến trúc; Có kỹ năng dẫn dắt và khởi nghiệp; Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện hành nghề.; Hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực kiến trúc; Có năng lực ngoại ngữ

và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu, nghiên cứu phát triển bền vững và chuyển đổi số.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Mã hóa mục tiêu	Mô tả nội dung
PG1	Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, nhân văn, khoa học công nghệ, kinh tế xây dựng có liên quan đáp ứng cho việc tiếp thu và vận dụng các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong lĩnh vực ngành Kiến trúc; kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu của ngành kiến trúc bao gồm các nhóm kiến thức về nhà ở, công trình công cộng, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
PG2	Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp của kiến trúc sư về thiết kế kiến trúc, thiết kế nội thất, ngoại thất, kiến trúc cảnh quan...; kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp thông tin liên quan và xu hướng phát triển trong lĩnh vực Kiến trúc; kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp thuộc lĩnh vực ngành Kiến trúc; kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp và tạo việc làm cho mình và người khác trong lĩnh vực của ngành Kiến trúc.
PG3	Có đủ năng lực công nghệ số, ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu trong giao tiếp, nghiên cứu và yêu cầu công việc thuộc ngành Kiến trúc;
PG4	Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi nhằm giải quyết những vấn đề phức tạp của lĩnh vực kiến trúc, chịu trách nhiệm cá nhân và với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc ngành Kiến trúc;



III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO - PROGRAM LEARNING OUTCOMES)

Mã số CĐR	Nội dung Chuẩn đầu ra
Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, nhân văn, khoa học chính trị vận dụng được thế giới quan, phương pháp duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn và đời sống; nhận dạng được các mô hình phát triển xã hội; hiểu và vận dụng được mô hình phát triển kinh tế nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta, quan điểm đường lối chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh và pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn đề trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường nói chung và trong lĩnh vực kiến trúc nói riêng.
PLO2	Vận dụng các kiến thức cơ bản về thẩm mỹ không gian, Vật lý kiến trúc, kinh tế xây dựng; về vật liệu, về kết cấu, về công nghệ xây dựng, điện, nước, trang thiết bị công trình. Có kiến thức về quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị, môi trường tự nhiên, khí hậu, lịch sử văn hóa, nghệ thuật địa phương để làm cơ sở cho việc thiết kế công trình kiến trúc, đưa ra các giải pháp thiết kế phù hợp.
PLO3	Vận dụng các kiến thức về nhà ở, công trình công cộng, công trình sản xuất để giải quyết, triển khai đồ án thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công của đồ án, dự án về kiến trúc, nội thất, ngoại thất trong thực tiễn.
PLO4	Vận dụng các kiến thức chung về quy hoạch và phát triển đô thị về thiết kế kiến trúc, xây dựng, quản lý doanh nghiệp để lập kế hoạch/quy trình, tổ chức, điều hành, điều phối, giám sát thiết kế, thi công các công trình kiến trúc đô thị và nông thôn.
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO5	Có kỹ năng thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế nội thất, ngoại thất, kiến trúc cảnh quan...;

Ph

PLO6	Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện cụ thể địa phương và biến đổi khí hậu để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp, các tình huống trong thiết kế kiến trúc, tư vấn giám sát xây dựng công trình.
PLO7	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công và kiểm tra giám sát việc sau khi hoàn thành đồ án kiến trúc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; có kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết trong các tình huống giao tiếp xã hội, đàm phán với đối tác, khách hàng của doanh nghiệp;
PLO8	Có kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác, tổ chức công việc để làm việc độc lập; kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, xưởng thiết kế, công trường thi công xây dựng; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp của dự án kiến trúc.
PLO 9	Có đủ năng lực về công nghệ số để soạn thảo, trình bày đề án, thuyết minh, giới thiệu dự án, đồ án trong lĩnh vực kiến trúc và xây dựng. Sử dụng được các phần mềm để giải quyết các yêu cầu chuyển đổi số lĩnh vực kiến trúc. Có đủ năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam đáp ứng nhu cầu trong giao tiếp, nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu công việc của ngành Kiến trúc
CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp	
PLO10	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, phát triển nhóm trong điều kiện làm việc phức tạp và luôn thay đổi và làm việc hiệu quả với vai trò là một thành viên hoặc người đứng đầu trong các nhóm kỹ thuật trong lĩnh vực kiến trúc; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm nhóm trong công việc liên quan đến ngành nghề thiết kế kiến trúc.
	Có khả năng hướng dẫn và kiểm tra giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn về lĩnh vực kiến trúc. Có

PLO11	khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn phù hợp và bảo vệ được quan điểm cá nhân trong tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát kiến trúc và xây dựng công trình.
--------------	--

IV. MA TRẬN KẾT NỐI CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU CỦA CTĐT

Bảng ma trận kết nối PLO và PG

Mã số	Mục tiêu	PG1	PG2	PG3	PG4
CĐR về kiến thức	PLO 1	3			
	PLO 2	3			
	PLO 3	3			1
	PLO 4	3			2
CĐR về kỹ năng	PLO 5		3	1	1
	PLO 6		3	1	2
	PLO 7		3		2
	PLO 8		3		
	PLO 9		2	3	
CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp	PLO 10	1	2		3
	PLO 11	2	1		3

V. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC KIẾN TRÚC SƯ – HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng					Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (gồm bài tập)	Seminar	Thực hành/ Thực tập	Thực hành NCS	Tổng số tiết	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		13						
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	191092038	2	24	8			32	
2	Triết học Mác - Lênin	191283001	3	37	8			45	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	191282007	2	22	8			30	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	191282004	2	22	8			30	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	191282006	2	22	8			30	
6	Pháp luật đại cương	211102004	2	22	8			30	

Đh

II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		105						
a	Kiến thức cơ sở		24						
7	Hình học họa hình	251084030	4	60	10	10		80	
8	Vẽ mỹ thuật 1	251082059	2			60		60	Vẽ mỹ thuật 1
9	Vẽ mỹ thuật 2	251082060	2			60		60	
10	Vật liệu xây dựng	211082057	2	30	10			40	
11	Cơ học công trình	211082007	2	30		10		40	
12	Kết cấu công trình	211084031	4	60		20		80	Cơ học công trình
13	Kiến trúc năng lượng và môi trường	251082041	2	30	10			40	
14	Pháp luật xây dựng	211082045	2	30	10			40	Pháp luật đại cương
15	Kinh tế xây dựng	211082035	2	30	10			40	
16	Kỹ thuật và tổ chức thi công	211082036	2	30		10		40	
b	Kiến thức ngành		70						
b1	Học phần bắt buộc		67						
17	Hạ tầng kỹ thuật công trình	251084003	4	60	10	10		80	
18	Quy hoạch đô thị	211082071	2	30	10			40	
19	Vật lý kiến trúc	211084058	4	60	10	10		80	
20	Trang thiết bị công trình	211082056	2	30	10			40	
21	Lịch sử kiến trúc	211084037	4	60	20			80	
22	Bảo tồn di sản kiến trúc và đô thị	211082111	2	30	10			40	Lịch sử kiến trúc
23	Cơ sở kiến trúc và phương pháp thể hiện	211084008	4	30		90		120	
24	Phương pháp thiết kế kiến trúc	211082047	2	30		10		40	
25	Kiến trúc Nhà ở	251082038	2	30	10			40	
26	Kiến trúc công trình công cộng	251082039	2	30	10			40	
27	Kiến trúc khu công nghiệp và công trình sản xuất	251082040	2	30	10			40	
28	Cấu tạo kiến trúc	211084064	4	60	10	10		80	Kiến trúc nhà ở
29	Thiết kế nội ngoại thất	211082052	2	30	10			40	
30	Công trình xanh, đô thị xanh	251082001	2	30	10			40	Quy hoạch đô thị
31	Đồ án K1: Công trình kiến trúc nhỏ	251083021	3			90		90	
32	Đồ án K2: Nhà ở thấp tầng	211083026	3			90		90	
33	Đồ án K3: Công trình thương mại, công trình dịch vụ	251083018	3			90		90	

Ph

34	Đồ án K4: Công trình giáo dục, công trình chăm sóc y tế	211083013	3			90		90	
35	Đồ án Q: Quy hoạch chi tiết khu nhà ở	211083027	3			90		90	
36	Đồ án K5: Nhà ở căn hộ cao tầng	251083012	3			90		90	
37	Đồ án K6: Đồ án nội, ngoại thất 01	251083083	3			90		90	
38	Đồ án K7: Công trình bảo tàng, thư viện, câu lạc bộ, công trình biểu diễn	251083002	3			90		90	
39	Đồ án K8: Công trình công nghiệp nhiều tầng	211083701	3			90		90	
40	Thiết kế ý tưởng T1	251081003	1	-	-	30	-	30	-
41	Thiết kế ý tưởng T2	251081004	1	-	-	30	-	30	-
b2	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 01/2 đồ án K9.1 hoặc K9.2)		3						
42	Đồ án K9.1: Thiết kế kỹ thuật công trình nhà ở xã hội / Trường PTCS	251083005	3			90		90	
43	Đồ án K9.2: Đồ án nội, ngoại thất 02	251083084	3			90		90	
c	Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành)		11						
	1. Kiến trúc công trình		11						
44	Kiến trúc nhà cao tầng	211082032	2	30	10			40	
45	Công nghệ xây dựng	211082009	2	30	10			40	
46	Kiến trúc xanh, kiến trúc bền vững	251082034	2	30	10			40	
47	Kiến trúc cảnh quan	211082008	2	30	10			40	
48	Đồ án K10.1: Kiến trúc công trình cao tầng	251083019	3			90		90	
	2. Kiến trúc nội ngoại thất		11						
49	Nội ngoại thất nhà ở	251082044	2	30	10			40	
50	Nội ngoại thất công trình công cộng	251082043	2	30	10			40	
51	Thiết kế đồ đạc nội thất	251082085	2	30	10			40	
52	Vật liệu và chiếu sáng nội thất	251082086	2	30	10			40	
53	Đồ án K10.2: Thiết kế nội, ngoại thất	251083022	3			90		90	
III	Kiến thức bổ trợ		24						

a	Ngoại ngữ		12						
	Tiếng Anh		12						
54	HA1	191303011	3	45				45	
55	HA2	191303012	3	45				45	
56	HA3	191303013	3	45				45	
57	HA4	211313025	3	45				45	
b	Tin học		10						
58	Tin 1	191032079	2	15		45		60	
59	Tin học ứng dụng 1: Autocad/Photoshop	211082074	2			60		60	
60	Tin học ứng dụng 2: Thiết kế 3D (3D Max/SketchUp)	251083075	3			90		90	
61	Tin học ứng dụng 3: AI và BIM trong kiến trúc	251083076	3			90		90	
c	Kĩ năng giao tiếp		2						
62	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	211082011	2	30	10			40	
	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	25108D999	13						
	Thực tập tốt nghiệp	251083998	3						
	Đồ án tốt nghiệp	21108A999	10						Hoàn thành báo cáo TTTN
Tổng cộng			155						

	Điều kiện Tốt nghiệp								
1	Giáo dục quốc phòng - an ninh	211144001	4	75	10	80		165	
2	Giáo dục thể chất 1	211062001	2	30		30		60	
3	Giáo dục thể chất 2	211062002	2	30		30		60	

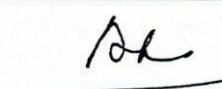
VI. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

Bảng ma trận đóng góp của học phần với CĐR

Tên học phần	Mã học phần	CĐR về kiến thức				CĐR về kỹ năng					CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PLO 11
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	191092038	3									1	
Triết học Mác - Lênin	191283001	3									1	
Chủ nghĩa xã hội khoa học	191282007	3									1	
Tư tưởng Hồ Chí Minh	191282004	3									1	

Ph

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	191282006	3								1	
Pháp luật đại cương	211102004										
Hình học họa hình	251084030		3							2	2
Vẽ mỹ thuật 1	251082059		3							2	
Vẽ mỹ thuật 2	251082060		3							2	
Vật liệu xây dựng	211082057		3	2						1	1
Cơ học công trình	211082007		3							1	
Kết cấu công trình	211084031		3							2	2
Kiến trúc năng lượng và môi trường	251082041		3	2						2	
Pháp luật xây dựng	211082045		3		2					2	2
Kinh tế xây dựng	211082035		3							2	
Kỹ thuật và tổ chức thi công	211082036			2	3					2	2
Hạ tầng kỹ thuật công trình	251084003		3							2	2
Quy hoạch đô thị	211082071		3	2						2	2
Vật lý kiến trúc	211084058		3	2						2	2
Trang thiết bị công trình	211082056		3	2						2	2
Lịch sử kiến trúc	211084037		3							2	2
Bảo tồn di sản kiến trúc và đô thị	211082111		3							2	2
Cơ sở kiến trúc và phương pháp thể hiện	211084008		3							2	2
Phương pháp thiết kế kiến trúc	211082047		3							2	2
Kiến trúc Nhà ở	251082038			3						2	2
Kiến trúc công trình công cộng	251082039			3						2	2
Kiến trúc khu công nghiệp và công trình sản xuất	251082040			3						2	2
Cấu tạo kiến trúc	211084064		3	3						2	2
Thiết kế nội ngoại thất	211082052		3	2						2	2
Công trình xanh, đô thị xanh	251082001		3							1	
Đồ án K1: Công trình kiến trúc nhỏ	251083021			3		3	2	2	2	2	2
Đồ án K2: Nhà ở thấp tầng	211083026			3		3	2	2	2	2	2
Đồ án K3: Công trình thương mại, công trình dịch vụ	251083018			3		3	2	2	2	3	2
Đồ án K4: Công trình giáo dục, công trình chăm sóc y tế	211083013			3		3	2	2	2	2	2



Đồ án Q: Quy hoạch chi tiết khu nhà ở	211083027			3		3	2	2	2	2	2	2
Đồ án K5: Nhà ở căn hộ cao tầng	251083012			3		3	2	2	2		2	2
Đồ án K6: Đồ án nội, ngoại thất 01	251083083			3		3	2	2	2		2	2
Đồ án K7: Công trình bảo tàng, thư viện, câu lạc bộ, công trình biểu diễn	251083002			3		3	2	2	2	3	2	2
Đồ án K8: Công trình công nghiệp nhiều tầng	211083701			3		3	2	2	2	3	2	2
Thiết kế ý tưởng T1	251081003		3	2		3	2	2			3	2
Thiết kế ý tưởng T2	251081004		3	2		3	2	2			3	2
Đồ án K9.1: Thiết kế kỹ thuật công trình nhà ở xã hội / Trường PTCS	251083005			3		3	2	2	2	3	2	2
Đồ án K9.2: Đồ án nội, ngoại thất 02	251083084			3		3	2	2	2	3	2	2
Kiến trúc nhà cao tầng	211082032		2	3		3					2	
Công nghệ xây dựng	211082009		3	2		3	2				1	
Kiến trúc xanh, kiến trúc bền vững	251082034		3	2		3					2	
Kiến trúc cảnh quan	211082008		3			3					1	
Đồ án K10.1: Kiến trúc công trình cao tầng	251083019			3		3	2	2	2	3	3	2
Nội ngoại thất nhà ở	251082044		3	3		3					2	2
Nội ngoại thất công trình công cộng	251082043		3	3		3					2	2
Thiết kế đồ đạc nội thất	251082085		3	3		3					2	2
Vật liệu và chiếu sáng nội thất	251082086					3						
Đồ án K10.2: Thiết kế nội, ngoại thất	251083022			3		3	2	2	2	3	3	2
HA1	191303011			3			2				2	
HA2	191303012			3			2				2	
HA3	191303013			3			2				2	
HA4	211313025			3			2				2	
Tin 1	191032079									3	1	
Tin học ứng dụng 1: Autocad/Photoshop	211082074			2		2	2	3		3	2	2
Tin học ứng dụng 2: Thiết kế 3D (3D Max/SketchUp)	251083075			2		2	2	3		3	2	2

Tin học ứng dụng 3: AI và BIM trong kiến trúc.	251083076			2		2	2	3		3	2	2
Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	211082011						3				2	2
Thực tập tốt nghiệp	251083998				3	3		2		2	2	2
Đồ án tốt nghiệp	21108A999		3	3		3	2	2		3	3	

Ghi chú:

Các trọng số thể hiện các mức độ liên kết:

- Trọng số 1: Thể hiện mức độ 1 là có liên hệ, kết nối
- Trọng số 2: Thể hiện mức độ 2 là liên hệ, kết nối tương đối chặt chẽ
- Trọng số 3: Thể hiện mức độ 3 là liên hệ, kết nối chặt chẽ

Thuật ngữ viết tắt:

- PLO: Program Learning Outcomes: Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo
- PG: Program Goals: Mục tiêu Chương trình đào tạo
- CDR: Chuẩn đầu ra
- CTĐT: Chương trình đào tạo

KT. HIỆU TRƯỞNG 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



GS., TS. Nguyễn Công Nghiệp

